

KINH DIỆU PHÁP LIÊN  
HOA – Quyển 2

Hán dịch: Tam Tạng Pháp  
Sư Cưu Ma La Thập  
Việt dịch: Hòa thượng  
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA  
Volume 2

Chinese translation: Tripitaka  
Dharmabhāṅga Kumārajīva  
English translation: [City of  
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: [support@daotrangtayphuong.org](mailto:support@daotrangtayphuong.org)

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.
- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>

- *[italic]* in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

## PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA

1. Lúc bấy giờ ngài Xá-Lợi-Phất hớn hờ vui mừng, liền đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật mà bạch Phật rằng: Nay

## PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA

1. Thereupon, Shariputra, with joyful enthusiasm, rose, placed his palms together, gazed reverently at the World Honored One's face and said to the Buddha, “Now, having heard this sound of Dharma from

con theo đức Thế-Tôn  
nghe được tiếng pháp  
này, trong lòng vui  
thích được điều chưa  
từng có.

Vì sao? Con xưa theo  
Phật nghe pháp như thế  
này, thấy các vị Bồ-Tát  
được thọ ký thành Phật  
mà chúng con chẳng

the World Honored One, my heart  
rejoices and I have obtained what I  
never had before.”

“What is the reason? In the past, I  
heard a Dharma such as this from  
the Buddha, and saw the  
Bodhisattvas receive predictions of  
Buddhahood, but we had no part in

được dự việc đó tự rất cảm thương mất vô lượng tri kiến của Như-Lai.

Thế-Tôn! Con thường khi một mình ở dưới cây trong núi rừng, hoặc ngồi hoặc đi kinh hành, hằng nghĩ như vậy: Chúng ta đồng vào pháp

this matter. I was deeply hurt that I had lost the limitless knowledge and vision of the Thus Come One.”

“World Honored One, when I used to dwell alone in mountain forests, at the foot of trees, whether sitting or walking, I continually had this thought, “We all identically enter into the Dharma-nature, why has

tánh, tại sao đức Như-Lai lại dùng pháp tiểu thừa mà tế độ cho? Đó là lỗi của chúng con chứ chẳng phải là Thế-Tôn vậy.

Vì sao? Nếu chúng con chờ Phật nói pháp sở nhân thành đạo vô-thượng chánh-đẳng

the Thus Come One shown us deliverance by means of the Small Vehicle Dharma? We are at fault, not the World Honored One.”

“What is the reason? If we had waited for the lecture on the cause of realizing anuttarasamyaksambodhi, we

chánh-giác thời chắc do pháp Đại-thừa mà được độ thoát. Song chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói pháp, vừa mới nghe Phật nói pháp vội tin nhận suy gẫm để chúng lấy.

would certainly have been delivered by means of the Great Vehicle Dharma. But we did not understand that expedient devices are spoken in accord with what is appropriate. Therefore, when we first heard the Buddhadharma, upon encountering it, we immediately believed, accepted, and considered it, and attained realization.”

Thế-Tôn! Con từ xưa đến nay trọn ngày luôn đêm hằng tự trách mình, mà nay được từ Phật nghe pháp chưa từng có, trước chưa hề nghe, dứt các lòng nghi hối, thân ý thơ thới rất được an ổn.

“World Honored One, from of old, I have, day and night, continually reproached myself. Now, from the Buddha, I have heard what I never heard before, this Dharma which has never been before, and all my doubts have been severed. My body and mind are blissful, and I am at peace.”

Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, được pháp phần của Phật.

Khi ấy, Ngài Xá-Lợi-Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

“Today, indeed, I know that I am a true disciple of the Buddha, born from the Buddha’s mouth, transformed from the Dharma; I have obtained a share of the Buddhadharma”

At that time, Shariputra, wishing to restate this meaning, spoke verses, saying:



2. Con nghe tiếng pháp  
này

Được điều chưa từng có  
Lòng rất đổi vui mừng  
Lưới nghi đều đã trừ,

Xưa nay nhờ Phật dạy

Chẳng mất nơi Đại-  
thừa.

2. Hearing this Dharma sound,

I gained what I never had;  
My heart is filled with great joy,  
The net of doubts has been cast  
aside .

From of old, favored with the  
Buddha's teaching,  
I had never lost the Greater  
Vehicle.

Tiếng Phật rất ít có

Hay trừ khổ chúng sanh  
Con đã được lậu tận (1)

Nghe cũng trừ lo khổ.

Con ở nơi hang núi  
Hoặc dưới cụm cây  
rừng

The Buddha's sound is extremely  
rare,

And can rid beings of their woes.  
I have already attained to the end of  
outflows,

Yet hearing it my woes also are  
dispelled.

As I dwelt in the mountain valleys,  
Sometimes at the foot of trees,

Hoặc ngồi hoặc kinh  
hành

Thường suy nghĩ việc  
này,

Thôi ôi! Rất tự trách

Sao lại tự khi mình

Chúng ta cũng Phật tử

Đồng vào pháp vô lậu

Whether sitting or walking,

I constantly thought upon this  
topic:

“Ah,” I cried in bitter self-reproach,

“Why have I deceived myself?

We, too, are the Buddha’s  
disciples,

And equally enter the non-outflow  
Dharma;

Chẳng được ở vị lai

Nói pháp vô thượng  
đạo,

Sắc vàng, bạ̉m hai  
tướng (2)

Mười lực (3) các giải  
thoát.

Đồng chung trong một  
pháp

Mà chẳng được việc đây

Yet, in the future, we shall not be  
able

To proclaim the Unsurpassed Path.

The Golden Color, the Thirty-two,

The Ten Powers and all the  
Liberations

Are together in a single Dharma,

But I have not attained these things.

Tám mươi tướng tốt đẹp  
Mười tám pháp bất cộng  
(4)

Các công đức như thế  
Mà ta đều đã mất

3. Lúc con kinh hành  
riêng  
Thấy Phật ở trong  
chúng

The Eighty Wondrous Hallmarks,  
The Eighteen Unshared Dharmas—

Such qualities of virtue--  
I have missed them, every one.”

3. When I used to walk alone,  
  
I would see the Buddha in the  
Great Assembly,

Danh đồn khắp mười  
phương

Rộng lợi ích chúng sanh

Tự nghĩ mất lợi này

Chính con tự khi dối

Con thường trong ngày  
đêm

Hằng suy nghĩ việc đó

Muốn đem hỏi Thế-

Tôn?

Là mất hay không mất?

His fame filling the ten directions,

Vastly benefiting all beings.

I felt I had lost this benefit,

And had but cheated myself.

Constantly, both day and night,

I thought upon this matter,

And wished to ask the World

Honored One

Whether or not I had lost it.

Con thường thấy Thế-  
Tôn  
Khen ngợi các Bồ-Tát  
(5)  
Vì thế nên ngày đêm  
Suy lường việc như vậy

4. Nay nghe tiếng Phật  
nói  
Theo cơ nghi dạy Pháp

I often saw the World Honored  
One  
Praising all the Bodhisattvas,  
And so it was, by day and night,  
I pondered on matters such as  
these.

4. Now I hear the Buddha's sound,  
Opportunely speaking that Dharma

Vô lậu khó nghĩ bàn

Khiến chúng đến đạo  
tràng.

Con xưa chấp tà kiến

Làm thầy các Phạm-chí

(6)

Thế-Tôn rõ tâm con

Which is without outflows--hard to  
conceive of--

And leads living beings to the  
Bodhimanda.

Once, I was attached to deviant  
views,

And was a teacher of the Brahmins.

The World Honored One knew my  
heart,



Trừ tà nói Niết-bàn.

Con trừ hết tà kiến  
Được chứng nơi pháp  
không

Bấy giờ lòng tự bảo  
Được đến nơi diệt độ  
Mà nay mới tự biết  
Chẳng phải thực diệt độ.  
Nếu lúc được thành  
Phật

Pulled out the deviant, and taught  
me Nirvana.

I rid myself of deviant views,  
And realized the Dharma of  
emptiness.

Then, I said to myself  
That I had arrived at Quiescence.  
But now, at last, I realize  
It is not real Quiescence.  
For when I become a Buddha,

Đủ ba mươi hai tướng

Trời, người, chúng, Dạ-xoa

Rồng, thần đều cung kính

Bấy giờ mới được nói  
Dứt hẳn hết không thừa

Phật ở trong đại chúng

Complete with the Thirty-two  
Marks,

Revered by gods, humans, and  
yaksha hordes,

Dragons, spirits, and others,

Only then will I be able to say,  
“This is eternal Quiescence without  
residue.”

The Buddha, in the Great  
Assembly,

Nói con sẽ thành Phật  
Nghe tiếng pháp như  
vậy  
Lòng nghi hối đã trừ.

5. Khi mới nghe Phật  
nói  
Trong lòng rất sợ nghi  
Phải chăng ma giả Phật

Has said, I shall become a Buddha.  
Hearing such a Dharma sound,  
All my doubts have been dispelled.

5. When I first heard the Buddha  
speak,  
My heart was filled with great fear  
and doubt:  
“Is this not Mara disguised as the  
Buddha,

Não loạn lòng ta ư?

Phật dùng các món  
duyên

Thí dụ khéo nói phô,  
Lòng kia an như biển

Con nghe, lưới nghi đứt.

Phật nói thưở quá khứ

Come to disturb and confuse my  
heart?"

The Buddha, by means of various  
conditions,

Analogies, and ingenious speech,  
Makes one's heart as calm as the  
sea.

Hearing him, the net of my doubts  
was rent.

The Buddha says that in the past,

Vô lượng Phật diệt độ

An trụ trong phương  
tiện

Cũng đều nói pháp đó.

Phật hiện tại, vị lai.

Số nhiều cũng vô lượng  
Cũng dùng các phương  
tiện

The limitless Buddhas, now  
extinct,

Dwelling in the use of expedients,

Also spoke this Dharma--each of  
them.

The Buddhas of the present and  
future,

Their numbers without limit,  
Also used expedients

Diễn nói pháp như thế.  
Như Thế-Tôn ngày nay

Từ sanh đến xuất gia  
Được đạo Chuyển-  
pháp-luân  
Cũng dùng phương tiện  
nói

Thế-Tôn nói đạo thật

To expound Dharma such as this.  
Just as now, the World Honored  
One,

From birth until his leaving home,  
His attaining the Way and turning  
the Dharma wheel,

Also speaks by means of  
expedients.

The World Honored One speaks of  
the real Path.

Ba tuần (7) không nói  
được

Vì thế con định biết  
Không phải ma giả Phật

Con sa vào lưới nghi

Cho là ma làm ra.

Nghe tiếng Phật êm dịu

The evil one does no such thing;

Hence, I know for certain

This is not the demon posing as the  
Buddha.

Because I had fallen into a net of  
doubts,

I said it was the doings of the  
demon.

Hearing the Buddha's compliant  
voice,

Sâu xa rất nhiệm mầu

Nói suốt pháp thanh  
tịnh

Tâm con rất vui mừng.

Nghi hỗi đã hết hẳn

An trụ trong thật trí

Con quyết sẽ thành Phật

Được trời, người cung

kính

Profound, far-reaching, subtle and  
fine

Proclaiming wide the clear, pure  
Dharma,

Great is the joy within my heart.

My doubts are forever ended,

As in Real Wisdom I stand firm.

I am certain to become a Buddha,

Revered by gods and humans.



Chuyển pháp-luân vô  
thượng  
Giáo hóa các BỒ-Tát.

6. Lúc bảy giờ, đức  
Phật bảo ngài Xá-Lợi-  
Phất: “Ta nay ở trong  
hàng trời, người, Sa-  
môn, Bà-la-môn mà nói.  
Ta xưa từng ở nơi hai

I shall turn the Unsurpassed Wheel  
of Dharma,  
To teach and transform  
Bodhisattvas.

6. At that time, the Buddha told  
Shariputra, “I, now, amidst the  
great assembly of gods, humans,  
Shramanas, Brahmins, and others,  
declare that in the distant past, in  
the presence of twenty thousand

muôn ức Phật vì đạo vô  
thượng nên thường giáo  
hóa ông, ông cũng lâu  
dài theo ta thọ học, ta  
dùng phương tiện dẫn  
đắt ông sanh vào trong  
pháp ta”.

Xá-Lợi-Phất! Ta thuở  
xưa dạy ông chí nguyện

kotis of Buddhas, for the sake of  
the Unsurpassed Way, I have  
constantly taught and transformed  
you. You, throughout the long  
night, have followed me and  
received my instructions. I have  
used expedient devices to guide  
you to be born within my Dharma.”

“Shariputra, in the past, I taught  
you to resolve yourself on the

Phật đạo, ông nay đều quên mà bèn tự nói đã được diệt độ. Ta nay lại muốn khiến ông nghĩ nhớ bản nguyện cùng đạo đã làm, mà vì các Thanh-văn nói kinh Đại-thừa tên là: “Diệu-Pháp Liên-Hoa” là pháp giáo

Buddha Way, but you have completely forgotten this, and so you say of yourself that you have already attained quiescence. “Now, again, wishing you to recall the path you have practiced according to your past vows, I, for the sake of the Hearers, speak this Great Vehicle Sutra by the name of The Wonderful Dharma Lotus Flower, a Dharma for instructing

hóa Bồ-Tát được chư Phật hộ niệm.

7. Xá-Lợi-Phất! Ông đến đời vị lai, quá vô lượng vô biên bất-khả tư-nghì kiếp, cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì chánh pháp đầy đủ đạo

Bodhisattvas of whom the Buddhas are protective and mindful.”

7. “Shariputra, in a future age, after limitless and boundless, inconceivable eons, having made offerings to some thousands of myriads of kotis of Buddhas, having reverently upheld the Proper Dharma, and having perfected the Path practiced by the

tu hành của BỒ-Tát, sẽ  
thành Phật hiệu  
là Hoa-Quang Như-Lai,  
Ứng-cúng, Chánh-biến-  
tri, Minh-hạnh-túc,  
Thiện-thệ,  
Thế-gian-giải,  
Vô-thượng-sĩ,  
Điều-ngự trượng-phu,  
Thiên-nhân-sư,

Bodhisattvas, you shall become a  
Buddha by the name of Flower  
Light Thus Come One, One  
Worthy of Offerings, One of  
Proper and Universal Knowledge,  
One Whose Understanding and  
Conduct Are Complete, a Well-  
gone One Who Understands the  
World, an Unsurpassed Knight, a  
Taming and Regulating Hero, a

Phật  
Thế-Tôn.

Nước tên Ly-Cầu, cõi  
đó bằng phẳng thanh  
tịnh đẹp đẽ an ổn giàu  
vui, trời người đông  
đảo. Lưu ly làm đất, có  
tám đường giao thông,  
dây bằng vàng ròng để  
giăng bên đường, mé

Teacher of Gods and Humans, a  
Buddha, a World Honored One.”

“His country shall be called ‘Apart  
From Filth.’ Its ground will be  
level, pure and adorned, tranquil,  
and prosperous, and abounding  
with gods. It shall have lapis lazuli  
for soil and eight intersecting roads  
bordered with golden cords, and by  
which shall stand rows of trees

đường đều có hàng cây bằng bảy báu, thường có hoa trái. Đức Hoa-Quang Như-Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sanh.

Xá-Lợi-Phất! Lúc đức Phật ra đời dầu không phải đời ác mà bởi bản nguyện nên nói pháp ba

made of the seven treasures constantly blooming and bearing fruit.” “The Thus Come One Flower Light will also teach and transform living beings by means of the Three Vehicles.

Shariputra, when this Buddha comes into the world, although it will not be an evil age, because of his past vows, he shall teach the

thừa. Kiếp đó tên là “Đại-Bảo-Trang-Nghiêm”. Vì sao gọi là “Đại-Bảo-Trang-Nghiêm”? Vì trong cõi đó dùng Bồ-Tát làm “Đại-Bảo” vậy. Các Bồ-Tát trong số đông vô lượng vô biên bất-khả tư-nghì, tính kể hay thí dụ đều không đếm

Dharma of Three Vehicles.” “That eon will be called ‘Adorned With Great Jewels.’ Why will it be called ‘Adorned With Great Jewels’? Because in that land, Bodhisattvas will be considered great jewels.” “These Bodhisattvas will be limitless, boundless, and inconceivable in number, beyond the reach of calculation or analogy. Without the power of the Buddha's



được, chẳng phải sức trí huệ của Phật không ai có thể biết được. Khi muốn đi thì có hoa đở chân.

Các vị Bồ-Tát đó không phải hàng mới phát tâm, đều đã trồng cội từ lâu. Ở nơi vô lượng trăm nghìn muôn ức đức

wisdom, no one could know their number.” “When they wish to walk, jeweled flowers will spring up beneath their feet.

These Bodhisattvas will not be those who have just brought forth the resolve. They will have planted the roots of virtue for a long time, and in the presence of limitless

Phật, tịnh tu phạm hạnh  
hằng được các Phật  
khen.

Thường tu trí huệ của  
Phật đủ sức thần thông  
lớn,  
khéo biết tất cả pháp  
môn, ngay thật không  
dối, chí niệm bền vững

hundreds of thousands of myriads  
of kotis of Buddhas purely  
cultivated Brahman conduct,  
constantly receiving the Buddhas'  
praise, constantly cultivating the  
Buddha's wisdom, and complete  
with great spiritual penetrations,  
they will be well-versed in all the  
doors of Dharma, straightforward,  
ingenuous, and resolute.

bậc Bồ-Tát như thế,  
khắp đầy nước đó.

Xá-Lợi-Phất! Đức Phật  
Hoa-Quang thọ mười  
hai tiểu kiếp, trừ còn  
làm vương tử chưa  
thành Phật.

Nhân dân nước đó thọ  
tám tiểu kiếp. Đức Hoa-  
Quang Như-Lai quá

Bodhisattvas such as these will fill  
that country.”

“Shariputra, the life span of the  
Buddha Flower Light will be  
twelve small eons, not counting the  
time during which, as a prince, he  
will not yet have become a Buddha.  
The life spans of the people in that  
country will be eight small eons.”

“After twelve small eons, the Thus

mười hai tiểu kiếp thọ  
ký vô-thượng chánh-  
đẳng chánh-giác cho  
Kiên-Mãn Bồ-Tát mà  
bảo các Tỳ-kheo: Ông  
Kiên-mãn Bồ-Tát này  
kế đây sẽ thành Phật  
hiệu là Hoa-Túc An-  
Hành Như-Lai, Ứng-  
cúng, Chánh-biến-tri,

Come One Flower Light will  
confer upon the Bodhisattva Solid  
Fullness a prediction of  
anuttarasamyaksambodhi, and  
announce to the Bhikshus, ‘The  
Bodhisattva Solid Fullness shall  
next become a Buddha by the name  
of Flowery Feet Peacefully  
Walking, Tathagata, Arhat,  
Samyaksambuddha.

cõi nước của đức Phật  
đó cũng lại như đây.

Xá-Lợi-Phất! Sau khi  
Phật Hoa-Quang đó diệt  
độ, chánh pháp trụ lại  
trong đời ba mươi hai  
tiểu kiếp, tượng pháp  
trụ đời cũng ba mươi  
hai tiểu kiếp.

His Buddha-country will be of like  
character.””

“Shariputra, when the Buddha  
Flower Light has passed into  
quiescence, the Proper Dharma  
Age shall dwell in the world for  
thirty-two small eons. The Dharma  
Image Age shall dwell in the world  
also for thirty-two small eons.”

Lúc ấy, đức Thế-Tôn  
muốn tuyên lại nghĩa  
trên mà nói kệ rằng:

8. Xá-Lợi-Phát đời sau  
Thành đấng Phật trí  
khắp  
Hiệu rằng: Phật Hoa-  
Quang  
Sẽ độ vô lượng chúng.

At that time, the World Honored  
One, wishing to restate this  
meaning, spoke verses, saying,

8. Shariputra, in a future age,  
Shall become a Buddha, honored  
and all-wise,  
By the name of Flower Light,  
Who will save limitless multitudes.

Cúng dường vô số Phật

Đầy đủ hạnh Bồ-Tát

Các công đức thập lực

Chúng được đạo vô  
thượng

Quá vô lượng kiếp rồi

Kiếp tên Đại-Bảo-

Nghiêm

Having made offerings to countless  
Buddhas,

And having perfected the  
Bodhisattva conduct,

The Ten Powers and other  
meritorious qualities,

He shall certify to the Unsurpassed  
Way.

When limitless eons have passed,

There shall be an eon named

“Adorned with Great Jewels,”

Cõi nước tên Ly-Cầu

Trong sạch không vết  
nhơ

Dùng lưu ly làm đất

Dây vàng giăng đường  
sá

Cây bảy báu sắc đẹp

Thường có hoa cùng trái

And a world by name of “Apart  
from Filth,”

Being pure and without flaw,

With lapis lazuli as its ground,

And its roads bordered with golden  
cords,

With multicolored trees made of  
seven treasures,

Which constantly bloom and bear  
fruit.



Bồ-Tát trong cõi đó  
Chí niệm thường bền  
vững

Thần thông ba-la-mật

Đều đã trọn đầy đủ  
Nơi vô số đức Phật

Khéo học đạo Bồ-Tát

Những Đại-sĩ như thế

The Bodhisattvas in that land,  
Will be always firm in  
mindfulness,

With spiritual penetrations and  
paramitas ,

All thoroughly perfected.

In the presence of countless  
Buddhas,

They will have well-learned the  
Bodhisattva Way .

Great Knights such as these

Phật Hoa-Quang hóa  
độ.

Lúc Phật làm vương tử  
Rời nước bỏ vinh hoa

Nơi thân cuối rốt sau  
Xuất gia thành Phật đạo

Phật Hoa-Quang trụ thế

Shall have been transformed by the  
Buddha Flower Light .

That Buddha, when still a prince,  
Shall renounce his land and  
worldly glory,

And in his final body,

Leave home to realize the Buddha  
Way.

The Buddha Flower Light shall  
dwell in the world

Thọ mười hai tiểu kiếp  
Chúng nhân dân nước  
đó  
Sống lâu tám tiểu kiếp  
Sau khi Phật diệt độ

Chánh pháp trụ ở đời

Ba mươi hai tiểu kiếp  
Rộng độ các chúng sanh

For a life span of twelve small  
eons.

The people of his land

Shall live for eight small eons.

When that Buddha has passed into  
quiescence,

The Proper Dharma shall remain in  
the world

For thirty-two small eons,

Widely saving living beings.

Chánh pháp diệt hết rồi

Tượng pháp cũng băm  
hai

Xá-lợi rộng truyền khắp

Trời, người, khắp cúng  
dường

Phật Hoa-Quang chỗ  
làm

Việc đó đều như thế.

When the Proper Dharma has  
vanished,

The Dharma Image shall remain for  
thirty-two.

The sharira shall be distributed  
widely,

For the offerings of gods and  
humans.

The deeds of the Buddha Flower  
Light,

Shall be such as these.

Đấng Lương-Túc-Tôn  
kia  
Rất hơn không ai bằng

Phật tức là thân ông  
Nên phải tự vui mừng.

9. Bảy giờ bốn bộ  
chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-  
kheo-ni, Cận-sự-nam,  
Cận-sự-nữ và cả đại-

That Sagely Honored One, Twice  
Complete,  
Shall be supreme and beyond  
compare.

And he is just you, yourself!  
It is fitting that you do rejoice.

9. At that time, the Four-fold  
Assembly of Bhikshus, Bhikshunis,  
Upasakas, and Upasikas, as well as  
the great multitude of yakshas,

chúng: trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, v.v...  
thấy Xá-Lợi-Phất ở trước Phật lãnh lấy lời dự ghi sẽ thành vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, lòng rất vui mừng hớn hỏ vô lượng. Mỗi người đều cởi y

gandharvas, asuras, garudas, kinnaras, mahoragas, and so forth,  
seeing Shariputra, in the presence of the Buddha, receive a prediction for anuttarasamyaksambodhi, greatly rejoiced in their hearts and leapt for unbounded joy. Each removed his upper garment and

trên của mình đang đắp  
để cúng dường Phật.

Thích-Đề Hoàn-Nhơn  
cùng Phạm-Thiên-  
Vương v.v... và vô số  
thiên tử cùng đem y đẹp  
của trời, hoa trời Mạn-  
đà-la, Ma-ha Mạn-đà-la  
v.v... cúng dường nơi  
Phật. Y trời tung lên

presented it as an offering to the  
Buddha.

Shakro Devanam Indrah and the  
Brahma Heaven King, together  
with countless gods, also made  
offerings to the Buddha of  
heavenly wonderful garments,  
heavenly mandarava flowers and  
mahamandarava flowers, and so  
forth. The heavenly garments they

liền trạ giữa hư không  
mà tự xoay chuyển. Các  
kỹ nhạc trời trăm nghìn  
muôn thứ ở giữa hư  
không đồng thời đều  
trôi. Rưới các thứ hoa  
trời mà nói lời rằng:  
“Đức Phật xưa ở thành  
Ba-La-Nại, ban đầu  
chuyển-pháp-luân, đến  
nay mới lại chuyển-

tossed aloft remained in empty  
space and whirled around. Then, all  
at once, in empty space hundreds of  
thousands of myriads of kinds of  
heavenly music began to play, and  
there fell a rain of heavenly  
flowers. As they uttered these  
words, “Long ago in Varanashi, the  
Buddha first turned the Wheel of  
Dharma. Now, he turns again that



pháp-luân rất lớn vô  
thượng”.

Lúc đó các Thiên tử  
muốn tuyên lại nghĩa  
trên mà nói kệ rằng:

10. Xưa ở thành Ba-Nại  
Chuyển pháp-luân Tứ-  
Đế

unsurpassed, magnificent Dharma -  
wheel.”

At that time, all the gods, wishing  
to restate this meaning, spoke the  
following verse:

10. Long ago in Varanashi,  
You turned the Dharma-wheel of  
Four Truths,

Phân biệt nói các pháp

Sanh diệt của năm  
nhóm (8)

Nay lại chuyển-pháp-  
luân

Rất lớn diệu vô thượng,

Pháp đó rất sâu mầu  
Ít có người tin được.

Discriminatingly speaking of the  
Dharmas,

The production and extinction of  
Five Heaps.

Now, again, you turn that  
wondrous,

Unsurpassed, great Wheel of  
Dharma.

This Dharma is deep and recondite,  
And few are those who can believe  
it .

Chúng ta từ xưa lại  
Thường nghe Thế-Tôn  
nói  
Chưa từng nghe thượng  
pháp  
Thâm diệu như thế này,  
Thế-Tôn nói pháp đó

Chúng ta đều tùy hỷ,  
Đại trí Xá-Lợi-Phất

We from of old,  
Have often heard the World  
Honored One speak,  
But never have we heard such  
Dharma,  
So deep, wondrous, and supreme.  
The World Honored One has  
spoken the Dharma,  
And we rejoice accordingly,  
As the greatly wise Shariputra

Nay được lãnh Phật ký

Chúng ta cũng như vậy  
Quyết sẽ được thành  
Phật,

Trong tất cả thế gian  
Rất tôn không còn trên  
Phật đạo chẳng thể bàn

Phương tiện tùy nghi  
nói

Now receives the Honored One's  
prediction.

We, too, are like this,  
And will surely become Buddhas,

Throughout all the worlds,  
Most honored and supreme.

The Buddha's Way is  
inconceivable,  
Taught expediently according to  
what is fitting.

Ta bao nhiêu nghiệp  
phước

Đời nay hoặc quá khứ  
Và công đức thấy Phật.  
Trọn hồi hướng Phật  
đạo.

11. Bảy giờ, Xá-Lợi-  
Phất bạch rằng: “Thế-  
Tôn! con nay không còn  
nghĩ hối, tự mình ở

May all of our blessed karma,

In this life and in lives gone by,  
And the merit and virtue gained  
from seeing the Buddha,  
Be dedicated to the Buddha Way.

11. At that time, Shariputra spoke  
to the Buddha, saying, “World  
Honored One, I now have no  
further regret, having received from

trước Phật được thọ ký thành vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác. Các vị tâm tự tại một nghìn hai trăm đây, lúc xưa ở bậc hữu-học, Phật thường dạy rằng: “Pháp của ta hay lìa sanh, già, bệnh, chết rôt ráo Niết-bàn”.

the Buddha a prediction for Annutarasamyaksambodhi. But the twelve hundred whose hearts have attained self-mastery, and who formerly dwelt in the Stage of Study, were constantly taught by the Buddha who said, ‘My Dharma can enable one to separate from birth, old age, sickness, and death and attain to Ultimate Nirvana.’

Các vị hữu-học vô-học  
đây cũng đều đã tự rời  
chấp ngã cùng chấp có,  
chấp không v.v...

nói là được Niết-bàn,  
mà nay ở trước đức  
Thế-Tôn nghe chỗ chưa  
từng nghe, đều sa vào  
nghi lầm. Hay thay Thế-  
Tôn!

Both Those Who Study and Those  
Beyond Study alike have separated  
from the View of Self, the Views  
of Existence and Non-existence,  
and so forth, and claim that they  
have attained Nirvana. Yet now,  
hearing from the World Honored  
One that which they have never  
heard before, they have all fallen  
into doubt and delusion. Good  
indeed, World Honored One, I

Xin Phật vì bốn chúng  
nói nhân duyên đó,  
khiến lìa lòng nghi hối”.

12. Khi ấy, Phật bảo  
ngài Xá-Lợi-Phất: Ta  
trước đâu không nói  
rằng: “Các Phật Thế-  
Tôn dùng các món nhân

hope that you would, for the sake  
of the Four-fold Assembly, speak  
of these causes and conditions, to  
free them of their doubts and  
regrets.”

12. At that time, the Buddha told  
Shariputra, “Have I not said before  
that all Buddhas, World Honored  
Ones, speak the Dharma by means  
of various causes and conditions,



duyên lời lẽ thí dụ  
phương tiện mà nói  
pháp đều là đạo vô-  
thượng chánh-đẳng  
chánh-giác ư? Các điều  
nói đó đều vì dạy Bồ-  
Tát vậy. Nhưng Xá-Lợi-  
Phất! Nay ta sẽ dùng  
một thí dụ để chỉ rõ lại  
nghĩa đó, những người

parables, phrases, and expedient  
devices, all for the sake of  
Anuttarasamyaksambodhi? All of  
these teachings are for the sake of  
transforming Bodhisattvas.  
However, Shariputra, I shall now  
again make use of a parable in  
order to further clarify the  
principle, for all those who are wise  
gain understanding through  
parables.”

có trí do thí dụ mà được hiểu”..

13. Xá-Lợi-Phất! Như trong quốc ấp, tụ lạc có vị đại Trưởng-giả tuổi đã già suy, của giàu vô lượng, có nhiều nhà ruộng và các tôi tớ. Nhà ông rộng lớn mà chỉ có một cửa để ra vào,

13. “Shariputra, suppose that in a country, a city, or a village, there is a great Elder, aged and worn, of limitless wealth, possessing many fields, houses, and servants.” “His house is spacious and large, having only one door but with a great many people--one hundred, two

người ở trong đó rất đông; hoặc một trăm, hai trăm cho đến năm trăm người, lâu gác đã mục, vách phen sụp đổ, chân cột hư nát, trính xiêng xiêu ngã, bốn phía đồng một lúc, lửa bỗng nổi lên đốt cháy nhà cửa.

hundred, even five hundred of them--dwelling within it.” “Its halls and chambers are decaying and old; its walls are crumbling. The pillars are rotting at their bases; the beams and ridgepoles are toppling dangerously.” “All at once, throughout the house, a fire breaks out, setting the house ablaze.”

Các người con của Trưởng-giả hoặc mười người, hoặc hai mươi người, hoặc đến ba mươi người ở trong nhà đó.

14. Trưởng-giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên, liền rất sợ sệt mà nghĩ rằng: Ta dầu có thể

“The Elder’s sons, ten, twenty, even thirty of them are inside the house.”

14. “The Elder, seeing the fire arise from the four sides, is greatly alarmed and makes the following reflection: ‘Although I have been

ở nơi cửa của nhà cháy này, ra ngoài rất an ổn, song các con ở trong nhà lửa ưa vui chơi giỡn không hay biết, không sợ sệt, lửa đến đốt thân rất đau khổ lắm, mà lòng chẳng nhàm lo, không có ý cầu ra khỏi.

able to escape safely through this burning doorway, all my children remain inside the burning house, happily attached to their amusement, unaware, unknowing, not alarmed and not afraid. The fire presses upon them and the pain will sear them, but at heart they do not mind it, nor have they any thought to escape.”

Xá-Lợi-Phất! Ông Trưởng-giả đó lại nghĩ: thân và tay của ta có sức mạnh, nên dùng vạt áo hoặc dùng ghế đẩu từ trong nhà mà ra ngoài. Ông lại nghĩ: Nhà này chỉ có một cái cửa mà lại hẹp nhỏ, các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn hoặc vấp ngã

“Shariputra, the Elder then reflects, ‘My body and arms are strong. I might gather them into a cloth pouch or onto a table and take them from the house.’ He further reflects, ‘This house has only one door and it is narrow and small. My sons are young and immature and as yet know nothing. Attached to their place of play, they may fall and be burnt in the fire.’” “ ‘I must

bị lửa đốt cháy, ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ.

Nhà này đã bị cháy phải mau ra liền, chớ để bị lửa đốt hại. Nghĩ như thế rồi theo chỗ đã nghĩ đó mà bảo các con: “Các con mau ra!” Cha

tell them of this frightful matter, that the house has caught fire, and they must hurry and come out so as not to be burned.’

So thinking, he speaks to his sons, saying, ‘Come out, all of you quickly!’ Although the father, in his pity, induces them with good words, still all the sons are happily attached to their amusements and

dầu thương xót khéo nói  
đề dụ dỗ, mà các người  
con ưa vui chơi chẳng  
khủng tin chịu, chẳng  
sợ sệt, trọn không có  
lòng muốn ra, lại cũng  
chẳng hiểu gì là lửa? gì  
là nhà? thế nào là hại?  
Chỉ cứ đông tây chạy  
giỡn nhìn cha mà thôi.

play and refuse to believe him.  
They are not frightened or afraid  
and have no intention of leaving.  
What is more, they do not know  
what is meant by fire, what is  
meant by house or what is meant  
by being lost. They merely run  
from east to west in play, staring at  
their father.”



15. Bây giờ, Trưởng-giả liền nghĩ nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy, ta cùng các con nếu không ra liền chắc sẽ bị cháy, ta nay nên bày chước phương tiện khiến cho các con được khỏi nạn này.

15. “Then, the Elder has this thought, ‘The house is already ablaze with a great fire. If my sons and I do not get out in time, we certainly shall be burned. I shall now devise an expedient device so that my sons can avoid this disaster.’”

Cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có, chắc chúng nó ưa lắm, mà bảo các con rằng: “Đây này là những món ít có khó được mà các con có thể vui chơi, nếu các con không ra lấy, sau này chắc buồn hận. Các thứ

“The father, knowing both the predispositions of his sons and the preferences each has for various precious toys and unusual playthings to which they happily responded, speaks to them, saying, ‘The things you will love to play with are rare and hard to get. If you do not take them, you will certainly regret it later.

xe dê, xe hươu, xe trâu như thế, nay ở ngoài cửa có thể dùng dạo chơi, các con ở nơi nhà lửa nên mau ra đây tùy ý các con muốn, cha đều sẽ cho các con”.

Lúc bảy giờ, các người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹp vừa ý

Things such as these: a variety of sheep carts, deer carts, and ox carts, are now outside the door for you to play with. All of you should quickly come out of this burning house and I shall give you whatever you want.””

“Then the children, hearing their father speak of these precious playthings which suited their

mình nên lòng mỗi người đều mạnh mẽ xô đẩy lẫn nhau cùng đua nhau rượt chạy tranh ra khỏi nhà lửa.

Khi đó Trưởng-giả thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đều ở trong đường ngã tư nơi đất trống không còn bị

wishes exactly, eagerly push and shove one another aside in a mad scramble, all fighting to get out of the burning house.”

“At that time, the Elder, seeing that all his sons had gotten out safely and were seated on the ground at the crossroads, is without further

chướng ngại, tâm ông  
tho thới vui mừng hơn  
hở.

Bấy giờ, các người con  
đều thưa với cha rằng:  
“Cha lúc nãy hứa cho  
những đồ chơi tốt đẹp,  
nào xe dê, xe hươu, xe  
trâu xin liền ban cho”..

obstruction; his mind is at peace  
and he is filled with joy.”

“Then the children all speak to  
their father, saying, ‘Father, the  
fine playthings you promised us a  
while ago, the sheep carts, the deer  
carts, and the ox carts, please give  
them to us now.’”

16. Xá-Lợi-Phất! Khi đó Trưởng-giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng chung dọn bằng các món báu, lan can bao quanh, bốn phía treo linh, lại dùng màn lọng giăng che ở trên, cũng dùng đồ báu đẹp tốt lạ mà trau giồi đó, dây

16. “O Shariputra, at that time, the Elder gives to all of his sons equally great carts.” “The cart is high and wide, adorned with a multitude of intertwining jewels, surrounded by railings, and hung with bells on its four sides. Further, it is covered with canopies, adorned with various rare and precious jewels, strung with jeweled cords and hung with

bằng báu kết thắt các  
dải hoa rũ xuống, nệm  
chiếu mềm mại trải  
chồng, gối đỏ để trên,  
dùng trâu trắng kéo, sắc  
da mập sạch thân hình  
mập đẹp, có sức rất  
mạnh bước đi ngay  
bằng mau lẹ như gió, lại  
có đông tôi tớ để hầu hạ  
đó.

flowered tassels. The cart is heaped  
with beautiful mats and set about  
with rosy cushions. It is yoked to  
an ox, plump and white and of fine  
appearance, of great muscular  
strength, that walks with even  
tread, as fleet as the wind, having  
also many servants who follow and  
guard it.”

Vì có sao? Vì ông  
Trưởng-giả đó của giàu  
vô lượng, các thứ kho  
tàng thảy đều đầy ngập,  
ông nghĩ rằng: “Của cải  
của ta nhiều vô cùng,  
không nên dùng xe nhỏ  
xấu kém mà cho các  
con, nay những trẻ thơ  
này đều là con của ta,

“And why is this? That great Elder  
has limitless wealth and all manner  
of storehouses full to overflowing.”

“So he reflects thus: ‘My  
possessions are boundless. I should  
not give my children small or  
inferior carts.



đồng yêu không thiên lệch, ta có xe bằng bảy báu như thế số nhiều vô lượng nên lấy lòng bình đẳng mà đều cho chúng nó, chẳng nên sai khác”..

Vì sao? Dầu đem xe của ta đó khắp cho cả người một nước hãy còn

All of these youngsters are my children whom I love without partiality.

Having such great carts made of the seven jewels, infinite in number, I should give them to each one equally.

Why? If I gave them to an entire country, they would not run short; how much the less if I gave them to

không thiếu huống gì các con. Lúc ấy các người con đều ngồi xe lớn được điều chưa từng có, không phải chỗ trước kia mình trông.

17. Xá-Lợi-Phất! Ý của ông nghĩ sao? Ông Trưởng-giả đó đồng đem xe trân báu lớn cho

my children!” “Meanwhile, all of the children are riding around on the great carts, having gotten what they never expected to have, beyond their original hopes.”

17. “Shariputra, what do you think? When that Elder gives equally to all of his children the great jeweled

các người con, có lỗi hư vọng chăng?

Xá-Lợi-Phất thưa:

“Thưa Thế-Tôn! Không, ông Trưởng giả đó chỉ làm cho các người con được khỏi nạn lửa, toàn thân mạng chúng nó chẳng phải là hư vọng. Vì sao? Nếu được toàn thân mạng bèn đã được

carriages, is he guilty of falsehood or not?”

Shariputra replied, “No, World Honored One. The Elder is not guilty of falsehood, for he has only enabled his children to avoid the calamity of fire, and has thereby saved their lives. Why is this? In saving their lives, he has already given them a fine plaything. How much the more so his setting up of

đồ chơi tốt đẹp, huống  
nữa là dùng phương tiện  
cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Thế-Tôn! Dầu ông  
Trưởng-giả đó nhận đến  
chẳng cho một thứ xe  
rất nhỏ còn chẳng phải  
hư vọng. Vì sao? Vì ông  
Trưởng-giả đó trước có  
nghĩ như vậy: Ta dùng

expedients to save them from the  
burning house.”

“World Honored One, if that Elder  
had not given them even so much  
as a single small cart, he still would  
not have been speaking falsely.

Why? Because the Elder previously  
had this thought, ‘I will use

chước phương tiện cho các con được ra khỏi, vì nhân duyên đó nên không hư vọng vậy. Huống gì ông Trưởng-giả tự biết mình của giàu vô lượng muốn lợi ích các con mà đồng cho xe lớn!”

expedients to lead my children out.’

For this reason, he is not guilty of falsehood. He is even less guilty since, knowing his own wealth to be limitless and wishing to benefit all his children, he gives to them equally great carts.”

18. Phật bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Hay thay! Hay thay! Như lời ông nói, Xá-Lợi-Phất! Như-Lai cũng lại như thế, Phật là cha của tất cả thế gian, ở nơi các sự sợ hãi suy não lo buồn vô minh che tối hết hắc không còn thừa, mà trọn thành tựu vô lượng tri-

18. The Buddha told Shariputra, “Good indeed, good indeed! It is just as you say.” “Shariputra, the Thus Come One is also like this in that he is a father to all in the world. He has forever ended all fear, weakness, worry, ignorance and obscurity. He has completely realized the limitless Knowledge and Vision, Powers, and Fearlessnesses. He has great

kiến, trí-lực, vô-sở-úy;  
có sức đại thần thông  
cùng sức trí huệ đầy đủ  
các món phương tiện.  
Trí huệ Ba-la-mật, đại  
từ đại bi thường không  
hề lười mỏi. Hằng vì  
câu việc lành lợi cho tất  
cả muôn loại mà sanh  
vào nhà lửa tam giới cũ  
mục này, để độ chúng

spiritual might and the power of  
wisdom. He has perfected the  
paramitas of expedients and  
wisdom. He is greatly kind and  
compassionate. Never tiring, he  
ever seeks the good, benefiting all.  
Thus he is born in the Three  
Realms which are like a burning  
house in order to save living beings  
from the fires of birth, old age,  
sickness, death, grief, misery,

sanh ra khỏi nạn lửa;  
sanh, già, bệnh, chết, lo  
buồn khổ não, ngu si tối  
tăm, ba độc; dạy bảo  
cho chúng sanh được  
vô-thượng chánh-đẳng  
chánh-giác.

19. Ta thấy, các chúng  
sanh bị những sự sanh,  
già, bệnh, chết, lo buồn

stupidity, dullness, and the three  
poisons. He teaches and transforms  
them, leading them to the  
attainment of  
Anuttarasamyaksambodhi.”

19. “He sees all living beings are  
scorched by birth, old age,  
sickness, death, grief, and misery.



khổ não nó đốt cháy,  
cũng vì năm món dục  
(9) tài lợi mà bị các điều  
thống khổ. Lại vì tham  
mê đeo đuổi tìm cầu  
nên hiện đời thọ các  
điều khổ, đời sau thọ  
khổ địa-ngục, súc-sanh,  
ngạ-quỷ. Nếu sanh lên  
trời và ở trong loài  
người thời nghèo cùng

They undergo various sufferings,  
because of the Five Desires, wealth  
and profit. Further, because of their  
clinging and grasping, they  
presently undergo a mass of  
sufferings and in the future will  
undergo sufferings in the hells,  
among the animals, or hungry  
ghosts. If born in the heavens or  
among human beings, they will  
suffer poverty and distress, the

khốn khổ, bị khổ vì người yêu thương xa lìa, kẻ oán ghét lại gặp gỡ. Các món khổ như thế mà chúng-sanh chìm trong đó vui vẻ dạo chơi, chẳng hay chẳng biết, chẳng kinh chẳng sợ, cũng chẳng sanh lòng nhàm không cầu giải thoát; ở trong nhà

suffering of being separated from what one loves, the suffering of being joined together with what one hates, and all the various sufferings such as these. However, living beings sunk in morass, joyfully sport, unaware, unknowing, unalarmed and unafraid. They do not grow satiated nor do they seek liberation. In the burning house of the Three Realms,

lửa tam giới này đông tây rảo chạy dầu bị khổ nhiều vẫn chẳng lấy làm lo.

20. Xá-Lợi-Phất! Đức Phật thấy việc này rồi bèn nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sanh nên cứu chúng nó ra khỏi nạn khổ đó, ban vô lượng vô

they run about from east to west. Although they encounter tremendous sufferings, they are not concerned.”

20. “Shariputra, having seen this, the Buddha further thinks, ‘I am the father of living beings. I should rescue them from these sufferings and difficulties, and give them the

biên món trí huệ vui của Phật để chúng nó dạo chơi.

Xá-Lợi-Phát! Đức Như-Lai lại nghĩ: Nếu ta chỉ dùng sức thần thông cùng sức trí huệ bỏ chước phương tiện, mà vì chúng sanh khen ngợi các món tri-kiến, trí-lực,

limitless and boundless joy of the Buddha-wisdom to play with.””

“Shariputra, the Thus Come One further thinks, ‘If I merely use spiritual power and the power of wisdom, and cast aside expedients, praising for all living beings the power of the Thus Come One’s Knowledge and Vision, Powers,

vô-sở-úy của Như-Lai, ắt chúng sanh chẳng có thể do đó mà được độ thoát. Vì sao? Vì các chúng sanh đó chưa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, đau khổ, đương bị thiêu đốt trong nhà lửa tam giới, làm sao có thể hiểu được trí huệ của Phật.

and Fearlessnesses, living beings will not be able to be saved in this way. Why is this? All of these living beings have not yet escaped birth, old age, sickness, death, grief and misery. They are being scorched in the burning house of the Three Realms. How could they understand the wisdom of the Buddha?””

21. Xá-Lợi-Phất! Như ông Trưởng-giả kia dầu thân và tay có sức mạnh mà chẳng dùng đó, chỉ ân cần phương tiện gắng cứu các con thoát nạn nhà lửa, rồi sau đều cho xe trâu báu lớn.

21. “Shariputra, just as that Elder, although he had a powerful body and arms, did not use them, but merely applied expedients with diligence to save all the children from disaster in the burning house, and afterwards gave to each of them a great cart adorned with precious jewels.

Đức Như-Lai cũng lại như thế, dầu có trí lực cùng sức vô úy (10) mà chẳng dùng đến, chỉ dùng trí huệ phương tiện nơi nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sanh, vì chúng sanh nói ba thừa Thanh-văn, Duyên-giác cùng Phật-thừa mà bảo rằng: “Các người không

In the same way, the Thus Come One, although he has powers and fearlessnesses, does not use them.” “He merely uses wisdom and expedients to rescue living beings from the burning house of the Three Realms, speaking to them of Three Vehicles: those of Hearer, Pratyeka Buddha, and Buddha.” “And he says to them, ‘All of you should take no pleasure in dwelling

nên ưa ở trong nhà lửa tam giới, chớ có ham mê các món sắc, thanh, hương, vị, xúc thô hèn, nếu tham, mê ắt sinh ái nhiễm thời sẽ bị nó đốt; các người mau ra khỏi ba cõi sẽ được chứng ba thừa: Thanh-văn, Duyên-giác và Phật-thừa.

in the burning house of the Three Realms. Do not lust after vulgar and evil forms, sounds, smells, tastes and tangible objects. If you attach to them greedily and give rise to love for them, you will be burnt. You should quickly escape the Three Realms and attain the Three Vehicles: the Hearer, Pratyeka Buddha, and Buddha Vehicles.’”



Nay ta vì các người mà bảo đảm việc đó quyết không dối vậ. Các người chỉ nên siêng năng tinh-tấn tu hành”.

Đức Như-Lai dùng phương tiện ấy để dụ dẫn chúng sanh thẳng đến, lại bảo: “Các người nên biết rằng pháp ba

“I now give my Pledge for this and it shall never be proved false. You need only diligently and vigorously cultivate.

The Thus Come One using these expedient means leads all living beings.” “He further says, ‘You should all know that the Dharmas

thừa đó đều là pháp của các đấng Thánh khen ngợi, là pháp tự tại không bị ràng buộc không còn phải nương gá tìm cầu, ngồi trong ba thừa này dùng các món căn, lực, giác-chi, thánh-đạo (11), thiền định vô lậu cùng giải thoát tam muội v.v... để

of the Three Vehicles have been praised by the sages.

They will make you free, unbound, and self-reliant.

Riding on these Three Vehicles, by means of non-outflow roots, powers, enlightenments, ways, dhyanas, concentrations, liberations, samadhis, and so on,

tự vui sướng, được vô lượng an ổn khoái lạc”.

22. Xá-Lợi-Phất! nếu có chúng sanh nào bề trong có trí tánh, theo đức Phật Thế-Tôn nghe pháp tin nhận ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi ba cõi tự cầu chúng Niết-bàn, gọi đó

you shall amuse yourselves and attain limitless peace and joy.””

22. “Shariputra, if there are living beings who inwardly possess the wisdom-nature, and hearing the Dharma from the Buddha, the World Honored One, believed and accepted it, diligently making progress, wishing quickly to escape the Three Realms and seeking

là Thanh-văn thừa, như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào theo đức Phật Thế-Tôn nghe pháp, tin nhận, rồi ân cần tinh tấn, cầu trí

Nirvana for themselves, they are called those of the Hearer Vehicle. They are like the children who sought the sheep carts and thereby escaped from the burning house.”

“If there are living beings who hearing the Dharma from the Buddha, the World Honored One, believed and accepted it, diligently making progress, and who seek for

huệ tự nhiên ưa thích  
riêng lẻ vắng lặng, sâu  
rõ nhân duyên của các  
pháp,  
gọi đó là Duyên-giác-  
thừa, như các người con  
kia vì cầu xe hươu mà  
ra khỏi nhà lửa.

themselves Spontaneous Wisdom,  
delighting in solitude and fond of  
stillness, deeply understanding the  
causal conditions of all dharmas;  
they are called those of the  
Pratyeka Buddha Vehicle. They are  
like the children who sought the  
deer carts and so escaped from the  
burning house.”

Nếu có chúng sanh nào theo đức Phật Thế-Tôn nghe pháp tin nhận, siêng tu tinh tấn cầu nhứt-thiết-trí, Phật-trí, tự-nhiên-trí, vô-sư-trí, các món tri-kiến-lực, vô-úy của Như-Lai, có lòng thương xót làm an vui cho vô lượng chúng sanh, lợi ích trời, người,

“If there are living beings who hearing the Dharma from the Buddha, the World Honored One, believed and accepted it, earnestly cultivating with vigor, seeking All-wisdom, Buddha-wisdom, Spontaneous Wisdom, Untutored Wisdom, the Knowledge and Vision of the Thus Come One, his Powers and Fearlessnesses, pitying and comforting limitless living

độ thoát tất cả, hạng đó gọi là Đại-thừa, Bồ-Tát vì cầu được thừa này thời gọi là Ma-ha-tát, như các người con kia cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

23. Xá-Lợi-Phất! Như ông Trưởng-giả kia thấy

beings, benefiting gods and humans, saving all, they are called those of the Great Vehicle. Because the Bodhisattvas seek this vehicle, they are called Mahasattvas. They are like the children who sought the ox carts and so escaped from the burning house.”

23. “Shariputra, just as that Elder, seeing all his children safely escape

các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đến chỗ vô úy, ông tự nghĩ, ta của giàu vô lượng, nên bình đẳng đem xe lớn đồng cho các con. Đức Như-Lai cũng lại như thế, là cha của tất cả chúng sanh, nếu thấy có vô lượng nghìn ức chúng sanh do cửa Phật giáo

the burning house to a place of fearlessness, and considering his own unlimited wealth, give to all of his children great carts.”

“The Thus Come One, in the same way, is the father of all living beings. When he sees limitless kotis of living beings using the gateway of the Buddha’s teaching to get off the fearsome and



mà thoát khỏi khổ,  
đường hiểm đáng sợ của  
ba cõi được sự vui Niết-  
bàn.

Bấy giờ, đức Như-Lai  
bèn nghĩ: “Ta có vô  
lượng vô biên trí huệ,  
lực-vô-úy v.v... tạng  
pháp của các đức Phật,  
các chúng sanh này đều

dangerous path of the sufferings of  
the Three Realms and attain the  
bliss of Nirvana,

The Thus Come One has this  
thought, ‘I have limitless and  
boundless wisdom, powers,  
fearlessnesses and so on--the  
complete storehouse of the  
Buddhadharma. All of these living

là con của ta đồng ban  
cho pháp Đại-thừa,  
chẳng để có người được  
diệt độ riêng, đều đem  
pháp diệt độ của Như-  
Lai mà cho chúng sanh  
nó diệt độ.

Những chúng sanh đã  
thoát khỏi ba cõi đó,  
Phật đều cho món vui

beings are my children. I should  
give to all of them great carts, not  
allowing them to gain individual  
Quiescence, but crossing them over  
to Quiescence by means of the  
Thus Come One's Quiescence.

Having escaped the Three Realms,  
all these living beings are given as  
playthings the Buddha's Dhyana

thiền định, giải thoát  
v.v... của các đức Phật,  
các món đó đều là một  
tướng, một thứ mà các  
đấng Thánh khen ngợi,  
hay sanh ra sự vui sạch  
màu bạc nhất.

24. Xá-Lợi-Phất! Như  
ông Trưởng-giả ban đầu  
dùng ba thứ xe dụ dẫn

Samadhis, Liberations, and so  
forth, all of one mark and one kind,  
praised by the sages and productive  
of pure, wondrous, and foremost  
bliss.””

24. “Shariputra, just as that Elder  
first having used the three carts to  
entice his children and then later

các con, sau rồi chỉ ban cho xe lớn vật báu trang nghiêm an ổn thứ nhất, song ông Trưởng-giả kia không có lỗi hư dối. Đức Như-Lai cũng như thế, không có hư dối, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh sau rồi chỉ dùng Đại-thừa mà độ giải thoát đó.

having given them great carts adorned with jewels and supremely comfortable, is not guilty of falsehood, just so is the Thus Come One likewise not guilty of falsehood in first speaking of the Three Vehicles to entice living beings and then afterwards delivering them only by means of the Great Vehicle.

Vì sao? Như-Lai có vô lượng tạng pháp trí huệ, lực, vô-sở-úy, có thể ban pháp Đại-thừa cho tất cả chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không thọ được hết.

What is the reason? The Thus Come One has limitless wisdom, powers and fearlessnesses, a storehouse of Dharmas, and is able to give to all living beings the Great Vehicle Dharma. Not all living beings, however, are able to accept it.

Xá-Lợi-Phất! Vì nhân duyên đó nên phải biết các đức Như-Lai dùng sức phương tiện ở nơi một Phật-thừa phân biệt nói thành ba.

Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Shariputra, because of these causes and conditions, you should know that the Buddhas, using the power of expedient devices, in the One Buddha Vehicle, discriminate and speak of three.”

The Buddha, wishing to restate his meaning, spoke verses, saying:

25. Thí như ông Trưởng-  
giả

Có một nhà rất lớn

Nhà đó đã lâu cũ

Mà lại rất xấu xa,

Phòng nhà vừa cao

nguy

Gốc cột lại gãy mục

Trính xiêng đều xiêu

vẹo

Nền móng đã nát rã,

25. Suppose there was an Elder,

Who had a large house,

Which was very old,

And so was collapsing.

The halls were high and precarious,

The pillars rotting at their bases,

The beams and ridgepoles aslant,

The foundations and stairways

crumbling.

Vách phen đều sụp đổ

Đất bùn rơi rớt xuống,  
Tranh lợp sa tán loạn

Kèo đòn tay rời khớp,

Bốn bề đều cong vạy

Khắp đầy những tạp  
nhơ,

The walls and partitions were  
cracked and ruined,

The plaster flaking and falling off.  
The thatch was falling every which  
way,

And the rafters and eave poles were  
coming loose,

The partitions on all sides were  
bent and misshapen;

It was filled with all kinds of filth.



Có đến năm trăm người  
Ở đó nơi trong đó.

Chim xi, hiêu, điêu,  
thúu,

Quạ, chim thước, cưu,  
cáp

Loài ngoan-xà, phúc-  
yết,

Giống ngô-công, do-  
diên,

Loài thủ-cung, bá-túc

There were five hundred people  
Dwelling within it.

There were kites, owls, hawks, and  
vultures,

Crows, magpies, pigeons, and  
doves,

Black snakes, vipers and scorpions,

Centipedes and millipedes.

There were geckoes and  
myriapods,

Dứu-ly cùng hề-thử  
Các giống độc trùng dữ  
Ngang dọc xen ruồi  
chạy,  
Chỗ phân giải hôi thối.

Đồ bất tịnh chảy tràn  
Các loài trùng khương  
lượng  
Bu nhóm ở trên đó,

Weasels, badgers, and mice--  
All sorts of evil creatures,  
Running back and forth.

There were places stinking of  
excrement and urine,  
Oozing with filth,  
With dung beetles  
Clustered upon them.

Cáo, sói cùng dã-can

Liếm nhai và dày đạp

Cắn xé những thây chết

Xương thịt bừa bãi ra,

Do đây mà bày chó

Đua nhau đến ngoạm

lấy,

Ôm đói và sợ sệt

Nơi nơi tìm món ăn

Giành giựt cầu xé nhau

There were foxes, wolves, and Yeh  
Kan,

Who nibbled at, trampled on,

And devoured corpses,

Scattering the bones and flesh.

Then packs of dogs

Came running to grab them,

Hungry, weak and terrified,

Seeking food everywhere,

Fighting and shoving,

Gầm gừ gào sủa rên,  
Nhà đó sự đáng sợ  
Những biến trạng  
dường ấy.

Khắp chỗ đều có những  
Quý, ly, mi, vọng,  
lượng

Quý Dạ-xoa quỷ dữ  
Nuốt ăn cả thịt người,  
Các loài trùng độc dữ

Snarling, howling and barking.  
The terrors in that house,  
And the sights were such as these.

Li Mei and Wang Liang  
Were everywhere.

Yakshas and evil ghosts  
Were eating human flesh.  
There were poisonous creatures of  
all kinds,

Những cầm thú hung ác  
Ấp, cho bú sản sanh  
Đều tự giầu gìn giữ  
Quý Dạ-xoa đua đến  
Giành bắt mà ăn đó,  
Ăn đó no nê rồi  
Lòng hung dữ thêm  
hăng  
Tiếng chúng đánh cãi  
nhau  
Thật rất đáng lo sợ.

And evil birds and beasts,  
Hatching their young,  
Each protecting its own.  
Yakshas raced to the spot  
Fighting one another to eat them.  
Having eaten their fill,  
Their evil thoughts grew more  
inflamed.  
The sound of their quarreling,  
  
Was dreadful to the extreme.

Những quỷ Cưu-bàn-trà  
Ngồi xồm trên đồng đất  
Hoặc có lúc hổng đất  
Một thước hay hai  
thước

Qua rồi lại, dạo đi  
Buông lung chơi cùng  
giỡn

Nắm hai chân của chó  
Đánh cho la thất thanh

Kumbhanda ghosts  
Were squatting on high ground,  
Sometimes leaving the ground  
A foot or two,  
  
As they wandered to and fro  
Amusing themselves as they  
wished,  
Grabbing dogs by two legs,  
And striking them so they lost their  
bark,

Lấy chân đạp trên cổ

Khủng bố chó để vui.

Lại có các giống quỷ

Thân nó rất cao lớn

Trần truồng thân đen

xấu

Thường ở luôn trong đó

Rèn tiếng hung ác lớn

Kêu la tìm món ăn

Twisting their legs around their  
necks,

Frightening the dogs for their own  
pleasure.

Further there were ghosts,

Their bodies very tall and large,

Naked, black and thin,

Always dwelling therein,

Emitting loud and evil sounds,

Howling in search of food.

Lại có các giống quỷ  
Cổ nó nhỏ bằng kim,  
Lại có các giống quỷ  
Đầu nó như đầu trâu  
Hoặc là ăn thịt người  
Hoặc là ăn thịt chó,  
Đầu tóc rối tung lên  
Rất ác lại hung hiểm,  
Bị đói khát bức ngặt

Further there were ghosts  
With throats like needles.  
Again there were ghosts  
With heads like oxen,  
Now eating human flesh,  
And then devouring dogs.  
Their hair was disheveled  
They were harmful, cruel and  
dangerous,  
Oppressed by hunger and thirst,



Kêu la vừa rong chạy

Dạ-xoa cùng quỷ đói  
Các chim muông ác độc

Đói gấp rảo bốn bề

Rình xem các cửa sổ  
Các nạn dường thế đấy  
Vô lượng việc ghê sợ  
(12)

They ran about shouting and crying  
out.

There were yakshas, hungry ghosts,  
And all sorts of evil birds and  
beasts,

Frantic with hunger, facing the four  
directions,

Peeking out the windows,

Such were the troubles

And terrors beyond measure there.

26. Nhà cũ mục trên đó  
Thuộc ở nơi một người  
Người ấy vừa mới ra  
Thời gian chưa bao lâu  
Rồi sau nhà cửa đó  
Bỗng nhiên lửa cháy đỏ  
Đồng một lúc bốn bề  
Ngọn lửa đều hùng hực,  
Rường cột và trính  
xiêng

26. This old, decaying house  
Belonged to a man  
Who had gone but a short distance  
When, before very long,  
The rear rooms of the house  
Suddenly caught fire.  
All at once, all four sides  
Were enveloped by raging flames,  
The beams, ridgepoles, rafters, and  
pillars

Tiếng tách nổ vang  
động  
Nát gãy rơi rớt xuống  
Vách phen đều lở ngã,

Các loại quỷ thần thấy  
Đồng cất tiếng kêu to,  
Các giống chim diều,  
thúu

Quỷ Cưu-bàn-trà thấy  
Kinh sợ chạy sáng sốt

Shook and split with the sound of  
explosion,  
Snapped apart and fell,  
As the walls and partitions  
collapsed and fell in.

All the ghosts and spirits  
Screamed loudly,  
While the hawks, vultures, and  
other birds,

The Kumbhandas, and so forth,  
Ran about in a panic,

Vẫn không tự ra được,  
Thú dữ loài trùng độc  
Chui núp trong lỗ hang  
Các quỷ Tỳ-xá-xà  
Cũng ở trong hang đó  
Vì phước đức kém vậy  
Bị lửa đến đốt bức  
Lại tàn hại lẫn nhau  
  
Uống máu ăn thịt nhau.  
Những loại thú dã-can

Unable to get themselves out.  
Evil beasts and poisonous insects  
Hid away in the holes and crevices,  
While the pishacha ghosts  
Also dwelt therein.  
Their blessings and virtue scanty,  
They were hard pressed by the fire;  
They wrought harm on one  
another,  
Drinking blood and eating flesh.  
As the packs of Yeh Kan

Thời đều đã chết trước  
Các giống thú dữ lớn  
Giành đua đến ăn nuốt.

Khói tanh bay phùn  
phụt

Phủ khắp bốn bề,  
Loài ngô-công, do-diên  
Cùng với rắn hung độc  
Bị lửa lòn đốt cháy  
Tranh nhau chạy khỏi  
hang

Were already dead,  
Monstrous evil beasts  
Raced to devour them,  
While billows of stinking smoke

Permeated all four sides.  
Centipedes and millipedes,  
And various kinds of poisonous  
snakes,  
Burnt by the fire,  
Fought to escape their holes.

Quỷ Bàn-trà rình chờ  
Liên bắt lấy mà ăn.

Lại có các nga-quỷ  
Trên đầu lửa rực cháy  
Đói khát rất nóng khô

Sảng sốt chạy quàng  
lên,

Nhà lửa đó dường ấy  
Rất đáng nên ghê sợ  
Độc hại cùng tai lửa

Kumbhanda ghosts  
Grabbed and ate them.

Further, all the hungry ghosts,  
The tops of their heads aflame,  
Tormented by hunger, thirst, and  
heat,

Ran about in terror and distress.

So it was in that house:

Terrifying to the extreme,

With dangers and conflagrations--

Các nạn chẳng phải  
một.

27. Lúc bảy giờ chủ nhà

Đứng ở nơi ngoài cửa  
Nghe có người mách  
rằng:

Các người con của ông  
Trước đây vì dạo chơi  
Mà đến vào nhà này

A host of troubles, not just one.

27. At that time the owner of the  
house

Was standing outside the door  
When he heard someone say,

“All of your children  
Awhile ago, in play,  
Went into this house.

Thơ bé không hiểu biết  
Chỉ vui ham ưa đắm

Trưởng-giả vừa nghe  
xong

Kinh sợ vào nhà lửa

Tìm phương nghi cứu tế

Cho con khỏi thiêu hại

Mà dụ bảo các con

Nói rõ các hoạn nạn:

Being young and ignorant,  
They delight in play and cling to  
amusements.”

Having heard this, the Elder  
Entered the burning house, in  
alarm.

Intending to save them

From being burned

He warned his children

Of the host of disasters:



Nào ác quỷ độc trùng

Hỏa tai lan tràn cháy

Các sự khổ thứ lớp

Nối luôn không hề dứt

Loài độc xà, ngươn

phúc

Và các quỷ Dạ-xoa

Cùng quỷ Cưu-bàn-trà

Những dã-can, chồn,

chó

“The evil ghosts, the poisonous  
insects

and the spreading conflagration,

A host of sufferings, in succession

Are continuous, without

interruption.

The poisonous snakes and vipers

And all the yakshas,

And Kumbhanda ghosts,

Yeh Kan, foxes and dogs,

Chim điêu, thúu, xi,  
hiêu

Lại giống bá túc thảy  
Đều đói khát khổ gấp  
Rất đáng phải ghê sợ  
Chỗ khổ nạn như thế

Huống lại là lửa lớn.

Các con nhỏ không hiểu

Hawks, vultures, kites and owls,

And varieties of centipedes  
Are frantic with hunger and thirst,  
And terrifying to the extreme.

There are so many sufferings and  
troubles,

So much increased by this great  
fire!”

But all the children, without  
knowledge,

Dẫu có nghe cha dạy  
Cứ vẫn còn ham ưa  
Vui chơi mãi không thôi

28. Bấy giờ trưởng-giả  
kia

Mới bèn nghĩ thế này  
Các con như thế đó  
Làm ta thêm sầu não  
Nay trong nhà lửa này

Although they heard their father's  
warnings,  
Still clung to their amusements  
And sported without cease.

28. At that time, the Elder  
Further had this thought:

“Being like this, my children  
Add to my worry and distress;  
Now, in this house, there is not

Không một việc đáng  
vui  
Mà các con ngây dại  
Vẫn ham mê vui chơi  
Chẳng chịu nghe lời ta  
Toan sẽ bị lửa hại.  
Ông bèn lại suy nghĩ  
Nên bày các phương  
tiện  
Bảo với các con rằng:  
Cha có rất nhiều thứ

A single thing in which to take  
pleasure,  
And yet all these children  
Are intoxicated by their play.  
Not heeding my instructions,  
They will be injured in the fire.”  
Just then he thought  
To devise expedients.  
He said to the children,  
I have all kinds

Các đồ chơi trân kỳ  
Những xe báu tốt đẹp

Nào xe dê, xe hươu  
Cùng với xe trâu lớn  
Hiện để ở ngoài cửa  
Các con mau ra đây  
Cha chính vì các con  
Mà sắm những xe này  
Tùy ý các con thích  
Có thể để dạo chơi.

Of precious playthings:  
Fine carriages, wonderful,  
bejeweled  
Sheep carts and deer carts,  
And great ox carts,  
Now, right outside the door.  
So come out, all of you,  
For I have, just for you,  
Had these carts made.  
Just as you wish,  
You can play with them.”

Các con nghe cha nói  
Các thứ xe như vậy  
Tức thời cùng giành đua  
Rảo chạy ra khỏi nhà  
Đến nơi khoảng đất  
trống  
Rời những sự khổ nạn  
Trưởng-giả thấy các con  
Được ra khỏi nhà lửa  
Ở nơi ngã tư đường

When the children heard him speak  
Of carriages such as these,  
They immediately raced  
Out in a scramble,  
To a clearing where  
  
They were then safe from harm.  
The Elder, seeing that his children  
Had escaped the burning house,  
And were standing at the  
crossroads,

Đều ngồi tòa sư-tử  
Ông bèn tự mừng rằng  
Ta nay rất mừng vui  
Những đứa con ta đây  
Đẻ nuôi rất khó lắm

Chúng nhỏ dại không  
hiểu  
Mới lẫm vào nhà hiểm  
Có nhiều loài trùng độc

Sat on his Lion's throne  
And rejoiced to himself, saying,  
“Now, I am happy!  
All of these children  
Were hard to bring into the world  
and raise;  
Stupid, young and without  
knowledge,  
They went into this dangerous  
house,  
Swarming with poisonous insects

Quý, ly, mị đáng sợ  
Lửa lớn cháy hùng hực  
Bốn phía đều phụt lên  
Mà các trẻ con này  
Lại ham ưa vui chơi  
Nay ta đã cứu chúng  
Khiến đều được thoát  
nạn  
Vì thế các người ơi!  
Ta nay rất vui mừng.  
Khi ấy các người con

And fearful Li Mei ghosts,  
Ablaze with a great fire,  
Raging on all sides.  
But all these children  
Still clung to their amusements.  
I have now rescued them  
And saved them from disaster.  
  
Therefore, of all people,  
I am the happiest!”  
Then, all the children,



Biết cha đã ngồi an

Đều đến bên chỗ cha

Mà thưa cùng cha rằng:

Xin cha cho chúng con

Ba thứ xe báu lạ

Như vừa rồi cha hứa

Các con mau ra đây

Sẽ cho ba thứ xe

Tùy ý các con muốn

Bây giờ chính phải lúc

Knowing their father was sitting at  
ease,

All went before him

And addressed him saying,

“Please give to us

The three jeweled carts

That you promised to us, saying,

‘If you children come out

I will give you three carts

Just like you wanted.’

Now the time has come,

Xin cha thương cấp cho.

29. Trưởng-giả giàu có  
lớn

Kho đụn rất nhiều đầy

Vàng bạc cùng lưu ly

Xa-cừ ngọc mã-nã,

Dùng những món vật

báu

Please give them to us!”

29. The Elder, having great wealth,

And storehouses containing much

Gold, silver and lapis lazuli,

Mother-of-pearl and carnelian,

Used these precious things

Tạo thành các xe lớn

Chung dọn trang

nghiêm đẹp

Khắp vòng có bao lơn

Bốn mặt đều treo linh

Dây vàng xen thắt tụi

Lưới màn kết trên châu

Giăng bày phủ phía trên

Hoa vàng các chuỗi

ngọc

To make several great carts.

They were decorated and adorned,

Surrounded by railings,

Hung with bells on all four sides,

With golden cords strung about  
them,

And gem-studded nets

Spread above them.

There were golden flowered tassels

Lòng thòng rũ khắp chỗ  
Các màu trang sức đẹp  
Khắp vòng vây quanh  
xe

Dùng nhiều hàng mềm  
mại

Để làm nệm lót ngồi

Vải quý mịn rất tốt

Giá trị đến nghìn muôn

Bóng láng trắng sạch sẽ

Hanging from them everywhere,  
And various multi-colored  
ornaments  
Encircling them.

Soft silk and cotton

Made up the cushions,

And fine coverings,

Valued in the thousands of  
millions,

Pure white and sparkling clean

Dùng trái trùm trên nệm

Có trâu trắng to lớn

Mập khỏe nhiều sức  
mạnh

Thân hình rất tươi tốt

Để kéo xe báu đó

Đông những tôi và tớ

Mà chục hầu giữ gìn

Đem xe đẹp như thế

Were spread atop them.

Great white oxen,

Plump, strong and powerful,

Of fine appearance,

Were yoked to the precious carts.

They were surrounded by many  
footmen

Who were attending to them.

Such fine carriages as these

Đồng ban cho các con

Các con lúc bấy giờ  
Rất vui mừng hơn hở  
Ngồi trên xe báu đó  
Dạo đi khắp bốn  
phương  
Vui chơi nhiều khoái  
lạc  
Tự tại không ngăn ngại.

Were given equally to all the  
children.

Then all the children  
Danced for joy;  
They mounted their jeweled carts  
And rode off into the four  
directions,  
Happily amusing themselves  
In unobstructed comfort.

30. Bảo Xá-Lợi-Phất  
này

Đức Phật cũng như vậy

Tôn cả trong hàng

Thánh

Cha lành của trong đời

Tất cả các chúng sanh

Đều là con của ta

Say mê theo thế lạc

Không có chút huệ tâm

30. I tell you, Shariputra,

I am like this, too,

The honored among many sages,

The father of the worlds.

All living beings

Are my children;

Deeply attached to worldly  
pleasures,

They have no wise thoughts at all.

Ba cõi hiểm không an

Dường như nhà lửa  
cháy

Các nạn khổ đầy đầy

Rất đáng nên ghê sợ

Thường có những sanh,  
già

Bệnh, chết và rầu lo

Các thứ lửa như thế

In the three realms there is no  
peace;

They are like a burning house filled  
with many sufferings,  
And frightening indeed.

Ever present are the woes  
Of birth, old age, sickness, death,

Fires such as these,



Cháy hừng chẳng tắt  
dứt

Đức Như-Lai đã là

Nhà lửa ba cõi đó

Vắng lặng ở thong thả

An ổn trong rừng nội

Hiện nay ba cõi này

Đều là của ta cả

Raging without cease.

The Thus Come One has already  
left

The three realms' burning house  
behind.

Quietly I dwell at ease,

In forest and field at peace.

And now it is, that the three realms,  
Entirely belong to me,

Những chúng sanh  
trong đó  
Cũng là con của ta  
Mà nay trong ba cõi  
Có nhiều thứ hoạn nạn  
Chỉ riêng một mình ta  
Có thể cứu hộ chúng  
Dẫu lại đã dạy bảo  
Mà vẫn không tin nhận  
Vì nơi các dục nhiễm

And in them all the living beings  
Are children of mine.  
But now, this place  
Is filled with calamities,  
And I am the only one  
Able to rescue them.  
Although I instructed them,  
They do not believe or accept,  
Because of their deep attachment  
and greed

Rất sanh lòng tham mê  
Bởi thế nên phương tiện  
Vì chúng nói ba thừa  
Khiến cho các chúng  
sanh

Rõ ba cõi là khổ

Mở bày cùng diễn nói  
Những đạo pháp xuất  
thế,

Các người con đó thấy

To all the defiling desires.

Using these expedients,  
I speak to them of three vehicles,  
Causing all living beings

To understand the pain of the three  
realms,

I reveal and extensively proclaim  
The Way which transcends the  
world.

All of these children,

Nếu nơi tâm quyết định  
Đầy đủ ba món minh  
(13)

Và sáu món thần thông  
(14)

Có người được Duyên-  
Giác  
Hoặc bất thối Bồ-Tát.

Xá-Lợi-Phất phải biết  
Ta vì các chúng sanh

If they fix their minds,  
Can perfect the three clarities

And the six spiritual powers.

Some shall become conditioned-  
enlightened ones,  
And others irreversible  
Bodhisattvas.

Shariputra,  
I, for living beings,

Dùng món thí dụ này  
Để nói một Phật-thừa  
Các ông nếu có thể  
Tin nhận lời nói đây.  
Tất cả người đều sẽ  
Chứng thành quả Phật  
đạo

31. Phật thừa đây vi  
diệu  
Rất thanh tịnh thứ nhất

Speak this parable  
Of the One Buddha Vehicle.  
If all of you are able  
To believe and accept these words,  
You shall, in the future,  
Realize the Buddha Way.

31. This vehicle is subtle and  
wonderful,  
Pure and foremost.

Ở trong các thế giới  
Không còn pháp nào  
trên

Của các Phật vui ưa,  
Tất cả hàng chúng sanh  
Đều phải nên khen ngợi  
Và cúng dường lễ bái  
Đủ vô lượng nghìn ức  
Các trí lực giải thoát  
Thiền định và trí huệ

In all the worlds  
It is the most supreme.

The Buddhas rejoice in it,  
And all living beings  
Should praise it as well.  
Make offerings and bow before it.  
Limitless Thousands of Millions  
Of powers and liberations,  
Dhyana samadis and wisdom,

Cùng pháp khác của  
Phật

Chúng được thừa như  
thế

Khấp cho các con thầy  
Ngày đêm cùng kiếp số  
Thường được ngồi dạo  
chơi

Cho các hàng Bồ-Tát  
Cùng với chúng Thanh-  
văn

And the Buddhas' other Dharmas

Are obtained in a vehicle such as  
this.

I cause all my children,  
Night and day for many aeons,  
Ever to amuse themselves

In the company of the Bodhisattvas  
And the host of Hearers,

Nương nơi thừa báu này  
Mà thẳng đến đạo tràng.  
Vì bởi nhân duyên đó  
Tìm kỹ khắp mười  
phương  
Lại không thừa nào  
khác  
Trừ Phật dùng phương  
tiện  
Bảo với Xá-Lợi-Phất!  
Bọn ông các người thầy

Riding this precious vehicle  
Straight to the field of the Way.  
For these reasons,  
Though they seek in the ten  
directions,  
There is no other vehicle,  
  
Except for the Buddhas'  
expedients.  
I tell you, Shariputra,  
That all of you



Đều là con của ta  
Ta thời là cha lành.  
Các ông trải nhiều kiếp  
Bị các sự khổ đốt

Ta đều đã cứu vớt  
Cho ra khỏi ba cõi  
Ta dầu ngày trước nói  
Các ông được diệt độ

Are my children,  
And I am your father.  
For many aeons, you  
Have been burned by many  
miseries,  
And I have saved you all,  
Leading you out of the triple realm.  
Although earlier I said  
That you had passed into  
Quiescence,

Nhưng chỉ hết sanh tử

Mà thật thời chẳng diệt  
Nay việc nên phải làm  
Chỉ có trí huệ Phật.

Nếu có Bồ-Tát nào  
Ở trong hàng chúng này  
Có thể một lòng nghe  
Pháp thật của các Phật,

It was only an end to birth and  
death

And not real Quiescence.

What you should accomplish now,  
Is nothing but the Buddhas'  
wisdom.

If there are Bodhisattvas

Within this assembly,

They can singlemindedly listen to  
The Buddha's real Dharma

Các đức Phật Thế-Tôn

Dầu dùng chước  
phương tiện

Mà chúng sanh được độ  
Đều là Bồ-Tát cả

32. Nếu có người trí nhỏ

Quá mê nơi ái dục  
Phật bèn vì bọn này

Although the Buddhas, World  
Honored Ones,

Employ expedient devices,

The living beings they transform  
All are Bodhisattvas.

32. If there are those of little  
wisdom,

Deeply attached to love and desire,  
For their sakes

Mà nói lý khổ-đế,  
Chúng sanh nghe lòng  
mừng

Được điều chưa từng có  
Đức Phật nói khổ-đế,

Chơn thật không sai  
khác

Nếu lại có chúng sanh  
Không rõ biết gốc khổ

I teach the truth of suffering.  
Living beings then rejoice

Gaining what they never had,  
For the Buddha's Teaching of  
suffering's truth  
is true, real and not false.

If there are living beings,  
Who do not know the origin of  
suffering,

Quá say nơi khổ nhân

Chẳng tạm rời bỏ được

Phật vì hạng người này

Dùng phương tiện nói  
dạy

Nguyên nhân có các  
khổ

Tham dục là cội gốc

Who are deeply attached to the  
cause of suffering,

Unable to leave if for even a  
moment,

For their sakes

I expediently speak of the Way,

The cause of all suffering

Is rooted in desire.

Nếu dứt được tham dục  
Khổ không chỗ nương  
đỡ

Dứt hết hẳn các khổ  
Gọi là đế thứ ba  
Vì chúng diệt-đế vậy

Mà tu hành đạo-đế  
Lìa hết các khổ phược  
Gọi đó là giải thoát

If one extinguishes greed and  
desire,  
Suffering has nothing to rest upon.  
The extinction of all suffering  
Is called the third truth.  
For the sake of the truth of  
Quiescence,  
One cultivates the Way;  
Leaving all suffering's bonds  
Is called the attainment of  
liberation.

Người đó nơi pháp gì  
Mà nói được giải thoát?

Chỉ xa rời hy vọng  
Gọi đó là giải thoát  
Kỳ thực chưa phải được  
Giải thoát hẳn tất cả  
Đức Phật nói người đó  
Chưa phải thật diệt độ

Vì người đó chưa được

From what is it  
That these people have been  
liberated?

The mere separation from the false  
Is called liberation.

In reality they have not yet  
Attained total liberation.

The Buddha says that these people  
Have not yet truly reached  
Quiescence,

Because they have not yet attained

Đạo quả vô thượng vậy.  
Ý của ta không muốn  
Cho đó đến diệt độ,  
Ta là đấng Pháp-vương  
Tự tại nơi các Pháp  
Vì an ổn chúng sanh  
Nên hiện ra nơi đời.

Xá-Lợi-Phất phải biết  
Pháp ấn của ta đây

The Unsurpassed Way.  
It is not my wish  
To lead them to Quiescence.  
I am the Dharma King,  
At ease within all the Dharmas.  
I manifest within this world  
To bring peace and tranquility to  
living beings.

Shariputra! This Dharma Seal of  
mine



Vì muốn làm lợi ích  
Cho thế gian nên nói  
Tại chỗ ông đi qua  
Chớ có vọng tuyên  
truyền.

Nếu có người nghe đến  
Tùy hỷ kính nhận lấy

Phải biết rằng người ấy  
Là bậc bất-thối-chuyển  
Nếu có người tin nhận

Is spoken because I wish to benefit  
the world.

Wherever you roam, do not  
propagate it wrongly.

If there be those who hear it,  
And rejoice, receiving it atop their  
crowns,

You should know that such people  
Are Avaivartika.

Those who believe and accept

Kinh pháp vô thượng  
này.

Thời người đó đã từng  
Thấy các Phật quá khứ  
Cung kính và cúng  
dường

Cũng được nghe pháp  
này.

Nếu người nào có thể  
Tin chịu lời ông nói  
Thời chính là thấy Ta

The Dharma of this Sutra,

These people have already seen  
The Buddhas of the past,  
Reverently making offerings,

And hearing this Dharma as well.

Those who are able  
To believe what you say,  
They then see me,

Cũng là thấy nơi ông  
Cùng các chúng Tỳ-  
kheo  
Và các hàng Bồ-Tát.

33. Phật vì người trí sâu  
Nói kinh Pháp-Hoa này  
Kẻ thức cạn nghe đến

And they see you,  
And also the Bhikshusangha,  
As well as all the Bodhisattvas.

33. This Sutra of the Dharma  
Flower  
Is spoken for those of profound  
wisdom;  
When those of shallow  
understanding hear it,

Mê lầm không hiểu  
được.

Tất cả hàng Thanh-văn  
Cùng với Bích-chi-Phật  
Ở trong kinh pháp này  
Sức kia không hiểu  
được.

Chính ông Xá-Lợi-Phất  
Hãy còn nơi kinh này  
Dùng lòng tin được vào

Confused and deluded, they fail to  
understand it.

The Hearers, everyone,  
And the Pratyeka Buddhas,  
Find the contents of this Sutra  
Far beyond their powers.

You, Shariputra,  
Gained entry to this Sutra  
By means of faith.

Huống là Thanh-văn  
khác.

Bao nhiêu Thanh-văn  
khác

Do tin theo lời Phật

Mà tùy thuận kinh này

Chẳng phải trí của  
mình.

How much the more so other  
Hearers.

Those Hearers,

Because of their faith in the  
Buddha's words,

Comply with this Sutra.

But it is beyond the range of their  
own wisdom.

34. Lại này Xá-Lợi-  
Phất!

Kẻ kiêu mạn biếng lười  
Vọng so chấp lấy ngã

Chớ vì nói kinh này,  
Hạng phàm phu biết cạn

Quá mê năm món dục  
Nghe pháp không hiểu  
được

34. Further, Shariputra

To the arrogant and lazy  
And those who reckon the view of  
self,

Do not speak this Sutra.

Common folk of shallow  
understanding,

Deeply attached to the five desires,  
Hearing it, will fail to understand;

Cũng chẳng nên vì nói.  
Nếu có người không tin

Khinh hủy chê kinh này  
Thời là dứt tất cả  
Giống Phật ở thế gian.  
Nếu có người sù mặt  
Mà ôm lòng nghi hoặc  
Ông nên lắng nghe nói  
Tội báo của người đó

Do not speak it to them, either.

If there be those who do not  
believe,

And who slander this Sutra,

They thereby sever all

Worldly Buddha seeds.

Or if, with a scowl,

They harbor doubts and delusions

You should listen now,

As I speak of their offense-  
retribution:

Hoặc Phật còn tại thế  
Hoặc sau khi diệt độ  
Nếu có người chê bai  
Kinh điển như thế này  
Thấy có người đọc tụng  
Biên chép thọ trì kinh  
Rồi khinh tiện ghét  
ghen  
Mà ôm lòng kết hờn  
Tội báo của người đó  
Ông nay lại lắng nghe.

Whether a Buddha is in the world,  
Or has entered into Quiescence.  
If there be those who slander  
A Sutra such as this one,  
Who, seeing others read or recite it,  
Copy it out or uphold it,  
Scorn, despise, hate and envy them,  
And harbor grudges against them,  
As to their offense retribution,  
Listen now, once again:



Người đó khi mạng  
chung

Sa vào ngục A-tỳ  
Đầy đủ một kiếp chẵn  
Kiếp mãn hết lại sanh  
Cứ xoay vần như thế  
Nhấn đến vô số kiếp.

Từ trong địa ngục ra  
Sẽ đọa vào súc sanh,  
Hoặc làm chó, dã-can

These people at life's end

Will enter the Avichi Hell  
For an entire aeon.

At the aeon's end, born there again,  
In this way they will revolve,  
Through uncountable aeons.

When they escape from the hells,  
They shall take the bodies of  
animals,

Such as dogs or Yeh Kan,

Thân thể nó ốm gầy  
Đen điu thêm ghẻ lác  
Bị người thường chọc  
gheo  
Lại còn phải bị người  
Gớm nhòm và ghét rẻ  
Thường ngày đói khát  
khô  
Xương thịt đều khô  
khan,

Tall and emaciated,  
Mottled, black and scabbed,  
Repulsive to others.  
  
Further, by human beings,  
They will be hated and scorned;  
Always suffering from hunger and  
thirst,  
Their bones and flesh will be  
withered up.

Lúc sống chịu khổ sở

Chết bị ném gói đá

Vì đoạn mất giống Phật  
Nên thọ tội báo đó

Hoặc sanh làm lạc đà  
Hoặc sanh vào loài lừa  
Thân thường mang kéo  
nặng

During their lives they will be  
pricked by poisonous thorns;  
When dead they will be buried  
under tiles and stones.

They suffer this offense retribution,  
Because they have severed their  
Buddha seeds.

They may become camels  
Or they may be born among asses,  
Always carrying heavy burdens

Lại thêm bị đánh đập  
Chỉ nhớ tưởng: nước, cỏ  
Ngoài ra không biết gì  
Vì khinh chê kinh này  
Mà mắc tội như vậy  
Có khi làm dã-can  
Đi vào trong xóm làng  
Thân thể đầy ghẻ lác  
  
Lại chột hết một mắt  
Bị bọn trẻ nhỏ vây

And beaten with sticks and whips,  
Thinking only of water and grass,  
And knowing nothing else.  
They suffer retribution such as this  
Because of slandering this Sutra.  
Some may become Yeh Kan,  
Entering villages,  
Their bodies covered with scabs  
and sores,  
And also missing an eye,  
Beaten and stoned

Theo đánh đập liệng  
ném

Chịu nhiều các đau khổ  
Hoặc có lúc phải chết  
Ở đây vừa chết rồi  
Liền lại thọ thân rắn

Thân thể nó dài lớn  
Đến năm trăm do tuần  
Điếc ngậy và không  
chân

By young children,

Undergoing all this pain,  
Even to the point of death.  
Having died in this manner  
They are then reborn as huge  
serpents,

Their bodies as long  
As five hundred yojanas.  
Deaf and stupid, without feet,

Lăn lóc đi bằng bụng

Bị các loài trùng nhỏ

Cắn rúc ăn thịt máu

Bị khổ cả ngày đêm

Không tạm có ngừng

nghỉ

Vì khinh chê kinh này

Mà mắc tội như vậy.

Nếu được sanh làm

người

They writhe about on their  
stomachs,

Stung and eaten

By many small insects.

Undergoing suffering day and night

Without respite,

They suffer such retribution

For having slandered this Sutra.

If they become humans,

Các căn đều ám độn  
Lùn xấu lại lệch què  
Đui điếc thêm lưng gù  
Có nói ra lời gì  
Mọi người không tin  
nhận  
Hơi miệng thường hôi  
thối  
Bị quỷ mị dựa nhập  
Nghèo cùng rất hèn hạ  
Bị người sai khiến luôn,

All their faculties are dim and dull.  
They are squat, ugly, palsied, lame,  
Blind, deaf and hunchbacked.  
Whatever they may say,  
People will not believe them.  
Their breath ever stinking,  
They will be possessed by ghosts,  
Poor and lowly,  
The servants of others,

Nhiều bệnh thân ốm gầy  
Không có chỗ cậy nhờ  
Dù nương gần với  
người

Mà người chẳng để ý  
Nếu có được điều chi  
Thời liền lại quên mất,  
Nếu học qua nghề thuốc

Theo đúng phép trị bệnh

Always sick and emaciated,  
With no one to rely upon.  
Although they may draw near to  
others,  
Others will never think of them.  
If they should gain something  
They will quickly forget and lose it.  
Should they study the ways of  
medicine,  
Following the prescription to cure  
illness,



Mà bệnh người nặng  
thêm

Hoặc có khi đến chết,  
Nếu tự mình có bệnh  
Không người chữa lành  
được

Dù có uống thuốc hay  
Mà bệnh càng thêm  
nặng,

Hoặc người khác phản  
nghịch

They will only make other's  
illnesses worse.

Even to the point of death.

If they get sick themselves,

No one will try to save or cure  
them.

Although they take good medicine,

It will only increase their pains.

If they meet with rebellion,

Cướp giạt trộm lấy của  
Các tội dường thế đó  
Lại tự mang vạ lây.

Những người tội như  
đây  
Trọn không thấy được  
Phật  
Là vua trong hàng  
Thánh

They will be plundered and robbed.  
People with such offenses,  
Will perversely be subject to such  
misfortunes,  
Offenders such as these  
Will never see the Buddha,  
The King among the sagely hosts,

Thường nói pháp giáo  
hóa

Những người tội như  
đây

Thường sanh chỗ hoạn  
nạn

Tâm cuồng loạn, tai  
điếc

Trọn không nghe pháp  
được,

Trải qua vô số kiếp

Speaking the Dharma, teaching and  
transforming.

Offenders such as these

Will always be born in difficult  
circumstances.

Insane, deaf, with mind confused,

They will never hear the Dharma.

Throughout eons as countless

Như số cát sông Hằng  
Sanh ra liền điếc câm  
Các căn chẳng đầy đủ  
Thường ở trong địa  
ngục

Như dạo chơi vườn nhà,

Ở tại các đạo khác

Như ở nhà cửa mình

As the Ganges river's sands,  
They will be born deaf and dumb,  
With all their faculties incomplete;  
They will always dwell in the hells,

Roaming there as if in pleasure  
gardens,

Or born in the other evil paths,

Which they will take as their house  
and home.

Lạc đà, lừa, lợn, chó

Là chỗ kia thường đi  
Vì khinh chê kinh này  
Mắc tội dường thế đó.

Nếu được sanh làm  
người

Điếc, đui lại câm, ngọng  
Nghèo cùng các tướng  
suy

Among camels, asses, pigs and  
dogs--

These are the places they will walk,  
They undergo such retribution,  
Because of slandering this Sutra.

If they become humans,

They will be deaf, blind and dumb,  
Poor and decrepit,

Dùng đó tự trang  
nghiêm.

Sung bủng bệnh khô  
khát

Ghẻ, lác, cùng ung thư

Các bệnh như trên đó

Dùng làm y phục mặc,

Thân thể thường hôi

hám

Nhờ nhớp không hề

sạch

Yet adorning themselves therewith.

Swollen with water, or else  
dehydrated,

With scabs and boils,

And other such illnesses,

They will clothe themselves.

Their bodies will always stink

Of filth and impurity.

Lòng chấp ngã sâu chặt  
Thêm nhiều tánh giận  
hờn

Tình dâm dục hầy hừng  
Đến chẳng chừa cầm  
thú,

Vì khinh chê kinh này  
Mắc tội dường thế đó.

35. Bảo cho Xá-Lợi-  
Phất!

Deeply attached to the view of self,  
Their hatred shall only increase.

Ablaze with sexual desire,  
They are no different than birds or  
beasts.

They will suffer such retribution  
For having slandered this Sutra.

35. I tell you, Shariputra,

Người khinh chê kinh  
này

Nếu kể nói tội kia  
Cùng kiếp cũng chẳng  
hết

Vì bởi nhân duyên đó  
Ta vẫn bảo các ông  
Trong nhóm người vô  
trí

Chớ nên nói kinh này

Were I to speak of the offenses

Of those who slander this Sutra,  
I would not finish to the end of an  
aeon.

For these reasons,  
I expressly tell you,  
Do not speak this Sutra

Among those who have no  
wisdom.



Nếu có người lợi căn

Sức trí huệ sáng láng

Học rộng và nhớ dai

Lòng mong cầu Phật  
đạo

Những hạng người như  
thế

Mới nên vì đó nói

If there are those with keen  
faculties,

And wisdom which clearly  
comprehends,

With much learning and a strong  
memory,

Who seek the Buddha's Path,

For people such as these,

You may speak it.

Nếu có người đã từng

Thấy trăm nghìn ức

Phật

Trồng các cội đức lành

Thâm tâm rất bền vững

Hạng người được như  
thế

Mới nên vì đó nói.

Nếu có người tinh tấn

If there are those who have seen in  
the past

Hundreds of thousands of millions  
of Buddhas,

Who have planted wholesome  
roots,

Who have deep and firm minds,

For people such as these,

You may speak it.

If there are those who are vigorous,

Thường tu tập lòng từ

Chẳng hề tiếc thân  
mạng

Mới nên vì đó nói

Nếu có người cung kính

Không có sanh lòng  
khác

Lìa xa các phàm phu

Ever cultivating minds of  
compassion,

Not sparing body or life,

For them you may speak it.

If there are those who are reverent,

Without any other thoughts,

Who have left the common stupid  
folk,

Ở riêng trong núi thẳm  
Những hạng người như  
thế

Mới nên vì đó nói  
Lại Xá-Lợi-Phất này!  
Nếu thấy có người nào  
Rời bỏ ác tri-thức

Gần gũi bạn hiền lành  
Người được như thế ấy  
Mới nên vì đó nói.

Who dwell alone in mountains and  
marshes,

For people such as these

You may speak it.

Further, Shariputra,

If you see people

Who have cast aside bad knowing  
advisors,

And draw near to good friends,

For people such as these,

You may speak it.

Nếu thấy hàng Phật tử  
Giữ giới hạnh trong  
sạch

Như minh châu sáng  
sạch

Ham cầu kinh Đại thừa  
Những người được như  
thế

Mới nên vì đó nói.

Nếu người không lòng  
giận

If you see disciples of the Buddha,  
Holding precepts as purely,

As pure, bright jewels,

*seeking the Great Vehicle Sutra*

For people such as these,

You may speak it.

If there are those who have no  
hatred,

Chắc thật ý dịu hòa

Thường thương xót mọi  
loài

Cung kính các đức Phật  
Hạng người tốt như thế  
Mới nên vì đó nói.

Lại có hàng Phật tử

Ở tại trong đại chúng

Who are straightforward and  
gentle,

Always merciful to all beings,

And reverent of all Buddhas,  
For people such as these,  
You may speak it.

Further, if there are Buddha's  
disciples,

Who in the great assembly,

Thuần dùng lòng thanh  
tịnh

Các món nhân cùng  
duyên

Thí dụ và lời lẽ

Nói pháp không chướng  
ngại

Những người như thế ấy

Mới nên vì đó nói

Nếu có vị Tỳ-kheo

Vì cầu nhứt-thiết-trí

With minds clear and pure,

Use various causal conditions,

Parables and phrases,

To speak the Dharma without  
obstruction,

For people such as these,

You may speak it.

If there are Bhikshus,

Who, for the sake of all-wisdom,

Khắp bốn phương cầu  
pháp  
Chắp tay cung kính thọ  
  
Chỉ ưa muốn thọ trì  
  
Kinh điển về Đại-thừa  
Nhẫn đến không hề thọ  
Một bài kệ kinh khác  
Hạng người được như  
thế

Seek the Dharma in the four  
directions,  
With palms together, receiving it  
atop the crown,  
Who delight only in receiving and  
upholding  
The canon of Great Vehicle Sutras,  
Refusing to accept so much  
As a single line from another  
scripture,  
For people such as these,



Mới nên vì đó nói.

Như có người chí tâm

Cầu xá-lợi của Phật

Cầu kinh cũng như thế

Được rồi đánh lễ thọ

Người đó chẳng còn lại

Có lòng cầu kinh khác

Cũng chưa từng nghĩ

tưởng

You may speak it.

If there be those who, with mind  
intent,

Seek the Buddha's sharira,

Or who likewise seek the Sutras,

And attaining them hold them atop  
their crowns,

Such people will never again

Resolve to seek other Sutras,

Nor ever have the thought

Đến sách vở ngoại đạo

Người được như thế ấy

Mới nên vì đó nói.

Bảo cùng Xá-Lợi-Phất!

Ta nói các sự tướng

Của người cầu Phật đạo

Cùng kiếp cũng chẳng  
hết

To seek the writings of outside  
ways,

For people such as these,

You may speak it.

I tell you, Shariputra,

Were I to speak of the  
characteristics

Of those who seek the Buddha's  
Path,

Exhausting aeons, I would not  
finish.

Những người như thế  
đó

Thời có thể tin hiểu  
Ông nên vì họ nói

Kinh Diệu-Pháp Liên-  
Hoa.

People such as these

Can believe and understand,  
And for their sake you should  
speak

The Wonderful Dharma Lotus  
Flower Sutra.